TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2017/QĐST- DS	*Thuận Thành, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:04/2017/TLST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: Số 442, Nguyễn Thị Minh Kh , phường 5, quận 3, T.P H.

Do anh Đỗ Minh Đ, SN 1992 là nhân viên xử lý nợ của Ngân hàng được ủy quyền làm đại diện.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Q** SN 1977

Chị **Phạm Thị Ng** SN 1981

Đều cư trú: Thôn B – Xã S – Huyện T – Tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Ng phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ vay tín dụng là 133.049.270 đồng (cụ thể tiền nợ gốc là 121.904.000 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 11.145.270 đồng)

Thời hạn trả nợ: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Ng có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP A cụ thể như sau:

Ngày 25/8/2017 trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Ngày 25/9/2017 trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Ngày 25/10/2017 trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Ngày 25/11/2017 trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Ngày 25/12/2017 trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Ngày 25/01/2018 trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Ngày 25/02/2018 trả 103.049.270 đồng (Một trăm linh ba triệu không trăm bốn mươi chin nghìn hai trăm bảy mươi đồng)

Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Ng tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất do các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký số: KHT.CN.35.260813, ngày 25/8/2015 kể từ ngày 05/8/2017 cho đến khi anh Q và chị Ng trả hết nợ.

Trường hợp anh Q và chị Ng không trả được nợ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số: KHT.BĐCN.13.260813 ngày 29/8/2013 đã ký kết giữa vợ chồng anh Q chị Ng với Ngân hàng TMCP A.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Ng phải chịu 6.652.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A 4.291.213 đồng (Bốn triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm mười ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/00737 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- Chi cục THADS huyện Thuận Thành
- Những người tham gia tố tụng;
- - Lưu HSVA - VP

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).